

PHẦN MƯỜI LĂM

CẦU HÔN VỚI NHÀ THANH

Nhâm tí, niên hiệu Quang Trung thứ năm (1792) nhà vua sắp đặt kế hoạch Bắc phạt.

Muốn dò ý vua Kiền Long và do thám nội lực nhà Thanh bấy giờ hư thực ra sao, vua Quang Trung bèn tính đến việc cầu hôn công chúa Mãn Thanh.

Ban đầu, ngài sai thị thần gửi thư cho viên Thái Bình tri phủ họ Vương bên Thanh nhờ đạo đạt lên Công Trung đường đứng làm mối cho. Trong thư có nói : “... Quốc vương tôi là chủ tể một nước, không thể thiếu tay giúp đỡ việc nội trị. Nghĩ muốn gỡ cửa ải, dâng tỳ biểu kíp vì Quốc vương mà cầu hôn, lại e việc là việc trọng đại, nếu chưa có tay trong dung nạp trước thì đâu dám tự bày tỏ để mang tiếng rằng chưa có rìu đã chực đẵn cây”⁽¹⁾

Sau nhà vua lại sai thị thần gửi thư cho Vương tri phủ, để tranh biện việc cầu hôn ấy là chính đáng, trong có những câu mềm mỏng nhưng lý sự như : “... Quốc vương tôi nổi lên từ nơi đồng bái, mở đất ở phía Nam để có nhân dân xã tắc, đã được Đại Hoàng đế (vua Thanh) dựng làm phiên binh ở ngoài, nếu lại được liên kết phủ phé thì các vương Mãn Châu Mông Cổ có thể lấy tư cách là con rể mà giúp đỡ ở mặt đông bắc, Quốc vương tôi há lại không thể lấy địa vị Châu Trần mà trở sức ở phía tây nam hay sao ?”.

¹ Trích dịch nguyên văn chữ Hán trong Bang giao hảo hoại.

Trải qua mấy lần nhờ biên thần Mãn Thanh đánh tiếng rồi, sau vua Quang Trung sai gửi biểu thẳng lên vua Kiên Long để yêu cầu việc đó.

Nguyên văn tờ biểu cầu hôn ấy như dưới :

“Thần bản nhất giới bố y, ngưỡng hạ hoàng ân, thao tư Nam Phục. Ký tự khuyết đỉnh triển cận, đặc linh bảo kiến thịnh an, thưởng lại cánh phồn, trừ mông dị sủng. Phàm Giao nam tông cổ sở bất thường đặc chi sự nhất nhất dĩ thi chư thần.

“Đại thần khâm chỉ hồi quốc, ngưỡng phụng thành tâm thùy quyển, ân chỉ tần ban, hạo đặng hoàng ăn mặ khả danh trạng ! Bất liệu thần hoang viễn ỏi lậu, thừa ân chi thử ! Tôn thân tại niệm, đồ báo vô do !

“Duy nguyện đặc thời khẩu thiên hôn, nhĩ chiêm nhật biểu ; nhi đại dao, thể cách, lực bất tòng tâm, nhất quá Nam quan, tiện thành sơ viễn !

“Thần mộng mị Quần Thiều, miếu tướng Vân Hán, hằng khùng tự đồng lục lục, phiếm nhiên ư thanh giáo chi ngoại, cô phụ thánh từ tịnh sinh, tịnh dục chi tâm !

“Thiết duy : Thánh nhân hiển tự chư hầu, liên sơ vi thần, sự tồn cổ đạo.

“Thần quốc chi thủy : Kinh dương thụ mệnh vu Viêm đế, Âu Cơ lý giáng ư Lạc Long. Thực tổ Văn Lang, Khải Phong Giao Chỉ, bách nam thừa tập, thể thủ Nam Phiêu, hạnh thừa âm ư Trung Hoa, hoạch đặng danh ư văn hiến, thể đại tuy viễn, ký tại do trung.

“Tổng triều hưng quốc dĩ lai, cơ my thần bang, thần vi hỏa ngoại, bất tại Minh Đường chi liệt, cận đồng Bành bộc chi liên.

“Ngã Hoàn Thành thụ thiên quyền mệnh, yểm hữu vạn phương, tử chiêu chi dĩ giai bào, đĩnh hoàn danh chi võng ngoại.

“Khâm Duy : Đại Hoàng đế bệ hạ, đức đồng thiên địa, đạo cao Hiên, Ngu, hoài chư hầu, nhu viễn nhân, bất dĩ cận đại cố thường vi hạn.

“Thần theo mộng thánh từ thị chi như tử, sĩ tòng thân vương chi tự. Tuy thần phận tựa thương hoang, nhi tinh đồng sinh súc.

“Niệm duy: vạn vật bất ản hình ư thiên địa, nhân tư bất ản tình ư phụ mẫu, gia đình tâm sự, cảm bất bộc bạch ư chi tôn chi tiền. Khoảnh thân gia tao giáng súc, trung quỹ pháp nhân, để tạo sơ cơ, phương chu quả trợ, từ thác ảm vu ngọc thụ, nghĩ bảo cố phù bao tang.

“Ngưỡng kiến Thánh triều : Trường bạch phát tường mậu ung đế chỉ, tử tôn thiên ức, dịch diệp phồn xương. Hướng lại thiên gia pháp thức : vương cơ hạc chúc, tất do quý cận trạch hài, tòng vô phiếm cập ngoại thân chi lệ. Phận nghiêm trung ngoại, cực giác vô giai ! Duy thị nhất niệm đối thân, kiêu si chi tư, chuyên triển bất năng tự dĩ !

“Thiết vọng thiên hoàng ngọc phái, ba cập hạ phiên, thứ thần ngưỡng hạ từ ân, hoạch thân lân chỉ. Quan thư chi hóa, nguyên cát thi chỉ, túc ung thức hình, nghi kỳ gia nhân, dĩ giáo quốc nhân : tập Trung hạ chi dư phong, thoát hải tần chi cự nhiễm, tì thân quốc nội thân thứ đồng tương vương ư đức hóa chi trung.

“thần gia thế vân nhưng, vĩnh bảo phiên phong, thừa hưu vô địch. Thứ thân chi đại nguyện vọng dã.

“Chi tư phận ngoại cầu chiêm sự phi thường cách, mưu chư chấp sự, vô cảm chuyển vị đề đạt ! Quân môn vạn lý, chiêm vọng huyền huyền !

Chiếp cảm bất tự suy lượng, mạo độc phi thành, cần ủy bồi thần cung hậu, tấu sự chi hạ, vị thần đại khẩu, tố tự nhất đoạn trung tố.

“ Phục vọng cao thông, phủ thuy duệ giám, chấn thần khu khu khăn mộ chi thành, thứ thần man mạch vọng cầu chi thất Cặng dung hàm dục, ngưỡng trượng thánh ân. Thần viễn tại Hải Nam, kiêu chiêm thần bắc, cận chúc thánh thiên tử thọ khảo vạn vạn niên, vĩnh tác vạn bang phụ mẫu. Thần bất thăng chiến lật kiêu vọng chi chi...”

Dịch :

“Thần vốn là một kẻ áo vải, được nhờ ơn cả, tạm giữ cõi Nam. Từ khi vào triều cận nơi cung khuyết, đã được đặc cách làm lễ bảo kiến vấn an, lại được ban thưởng trọng hậu, ơn lạ dồi dào. Phàm những sự mà cõi Giao Nam từ xưa chưa ai từng được đều nhất nhất ban cho thần cả.

“Kịp khi thần khâm mạng về nước, lại được đủ ơn đoái thương, luôn ban thánh chỉ. Cái ơn lòng lộng của nhà vua thật không sao kể ra, tả ra cho xiết ! Thần là kẻ hèn mọn ở nơi hẻo lánh, chẳng ngờ lại được hưởng ơn đến thế ! Tác lòng canh cánh mong báo đáp bậc tôn thân, song vẫn chưa bởi đâu mà đền bồi được !

“Chỉ mong được thường gõ cửa trời, gần nhìn bóng nhật, nhưng dãi ở xa, thế cách trở, sức làm không được như ý muốn : hễ qua khỏi cửa Nam quan thì lại thành xa và sơ ngay !

“Thần vẫn mơ tưởng nhạc Quân thiều, ngóng trông Vân hán, hằng e mình rồi cũng đến như hạng tầm thường, phải liệt trần ở ngoài vòng thanh giáo, làm cô phụ cái ơn sinh nuôi tất cả của thánh từ !

“Trộm nghĩ : Thánh nhân tỏ lòng giúp đỡ chư hầu, liên lạc chỗ sơ cho thành thân mật, phàm việc đều cứ xử theo đạo xưa.

“Nước thần, ban đầu, vua Kinh Dương chịu mệnh nơi Viêm Đế, bà Âu Cơ kết duyên với vua Lạc Long : Tổ nước Văn Lang, mở cõi Giao Chỉ, trăm trai nối dõi, đời làm phen giậu phía Nam, may nhờ phúc ở Trung Hoa, được nổi danh là nước văn hiến. Thế đại dẫu xa, sử sách còn đủ khảo xét.

“Từ khi nhà Tống dấy lên, ràng buộc nước thần, ruồng ra ngoài vòng đức hóa không liệt vào hàng Minh Đường, chỉ để cũng như hạng Bành bộc.

“Nhà Thanh ta được trời quyến cố, rộng có muôn phương, chỗ nào có bóng mặt trời soi đến đều coi nhân dân là chung một bọc mà ra lấy hoàn doanh làm gia đình mà không gảy ai ra ngoài cả.

“Kính nghĩ : Đại Hoàng đế bệ hạ đức ngang với trời, đất, đạo cao hơn vua Hiên Viên, vua Ngu Thuấn, vớ về cho chư hầu mến phục, dịu dàng cho người xa hướng về, không choèn hoèn theo cái lối thường của các triều đại gần đây.

“Thần lạm được thánh thượng coi như con ruột, liệt vào hàng các thân vương. Phận này dẫu tận nơi xa khuất, nhưng tình ấy vẫn được kể như để nuôi.

“Thiết nghĩ, muôn vật không giấu hình với trời đất, con cái không giấu tình với cha mẹ, thì câu chuyện tâm sự về gia đình dám chẳng giải tỏ ở trước bậc chí tôn ? Mới đây nhà thần gặp vận rủi ro, thiếu người giữ việc dâng cơm canh thờ cúng ! Trên nền gây dựng phong hóa đang thiếu

người đỡ đầu. Vậy muốn núp dưới bóng cây ngọc, hồng bám vững vào gốc đầu.

“Người thấy thánh triều phát tích từ Trùng Bạch ⁽¹⁾, đầy dẫy phúc lành con cháu hàng nghìn hàng ức, nối đời phồn thịnh. Bấy nay lễ lối nhà vua, vẫn chọn những chỗ quý hiển gần gũi để gả các công chúa, chứ không có lệ gả tràn đến các bầy tôi ở ngoại phiên. Cái phận đã nghiêm chia trong ngoài như thế, thì thật khó bởi đâu mà chói vói được. Chỉ vì một niềm tôn mến, lòng riêng ngóng trông, nên cứ trần trọc không sao thôi được.

“Trộm mong cành ngọc nhà trời lan rộng đến cả kẻ ngoại phiên ở dưới, ngô hầu thần được giữa đội ơn lành gần gũi gót lân, đem phong hóa Quận Thư ban ra những phúc nguyên cát. Những điều kính ghín hóa thuận từ nơi gia đình sẽ nêu làm khuôn mẫu cho người trong nước để họ tập quen cái dư phong của chốn trung hạ, trút bỏ cái thói cũ của nơi bờ biển khiến thần dân trong nước của thần được thỏa sự trông mong ở trong vòng đức hóa.

“Chắt chát dòng dõi nhà thần đời được giữ mãi phiên phong, hưởng sự tốt lành không cùng. Đó là điều mong mỏi lớn của thần vậy.

“Chỉ vì nay cần ơn ngoài phận, việc xảy khác thường nên bàn với những kẻ chấp sự, không ai dám vì thần mà chuyển tâu lên! Cửa vua muôn dậm, trông ngóng đăm đăm. Nay bèn đánh bạo không tự suy xét mạo muội, nhằm tỏ tác thành kinh sai kẻ bồi thần sang châu hầu để sau lúc lâu bày rảnh rang sẽ vì thần mà kêu thay kẻ lẽ khúc nôi con cớ.

¹ Tên một núi ở phía Nam tỉnh Cát Lâm, cao 8.900 thước tâu.

“Nếp mong bậc cao sáng đủ thương, xét cho thần lòng thành thiết tha trù mến, tha cho thần cái lỗi rơ-mọt cầu liều.

“Thần xa ở biển Nam, ngóng trông sao Bắc, xin kính chúc Thánh Thiên Tử thọ khảo muôn vạn năm, mãi làm cha mẹ muôn nước. Thần bao xiết quá đôi run sợ trông mong...”

Như ta thấy, trên đây vua Quang Trung đã đưa tờ biểu sang nhà Thanh cầu hôn công chúa Thanh.

Nhưng sự thực việc ấy ra sao, mỗi thuyết một khác.

Theo nhiều sách chép thì năm nhâm tí (1792) vua Quang Trung có sai sứ bộ sang Thanh định yêu sách nhà Thanh hai việc : cầu hôn và đòi đất Lương Quảng. Nhưng khi sứ bộ sang đến nơi thì được tin vua Quang Trung mất, họ bèn đem tờ biểu “khiêu khích” ấy đi mà đòi làm tờ biểu “cáo ai” báo tin buồn cho triều Thanh biết.

Mà *Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập*, quyển 30, tờ 41b, cũng chép : “Năm nhâm tí (1792), Huệ sai làm biểu sang nhà Thanh, cầu hôn để dò ý vua Thanh, cũng muốn mượn chuyện ấy làm mối khởi binh ; nhưng rồi bị bệnh nên không làm trọn được”. Đó là thuyết thứ nhất.

Còn thuyết thứ hai như có chép trong gia phả họ Vũ do Vũ Vĩnh Thứ, cháu ba đời của Vũ Văn Dũng, soạn năm bính ngọ, niên hiệu Tự Đức thứ hai mươi hai (1870) thì đại khái như thế này ⁽¹⁾:

Nguyên từ ngày rằm tháng tư năm Quang Trung thứ tư (1791) nhà vua có phái trung sứ đi từ Phượng Hoàng trung đô (Nghệ An) đem sắc

¹ Dựa tài liệu trong bài “Phải chăng vua Càn Long nhà Thanh đã bằng lòng trả vua Quang Trung tỉnh Quảng Tây làm nơi đóng đô và gả cho công chúa?”, đăng ở trong *Trung Bắc Chủ Nhật*, số tết Quý (1943), trang 20, 21, 28.

mệnh này cho đại đô đốc Vũ Quốc Công Vũ Văn Dũng trong khi đang nghỉ giả hạn ở nhà :

Dịch âm :

“Sắc Hải Dương Chiêu Viễn đại đô đốc đại tướng quân dục vận công thần Vũ quốc công tiến gia lĩnh Bắc sứ chính sự kiêm toàn ứng tấu thỉnh Đông, Tây Lương Quảng dĩ khuy kỳ tâm, công chúa nhất vị dĩ kích kỳ nộ. Thận chí ! Thận chí ! Kỳ dụng binh hình thế tận tại thử hành, Tha nhật tiền phong : Khanh kỳ nhân dã. Khâm tai ! Sắc mệnh.

“Quang Trung tứ niên, tứ nguyệt, thập ngũ nhật”.

Dịch :

“Sắc sai Hải Dương Chiêu Viễn Đại đô đốc Đại tướng quân dục vận công thần Vũ quốc công được tiến phong làm chức Chính sứ đi sứ nước Bắc kiêm toàn quyền trong việc tâu thưa xin lại hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây để dò ý, cầu hôn một vị công chúa để chọc giận. Cảnh thận đấy ! Cảnh thận đấy ! Hình thế dụng binh ở chuyến đi này cả. Ngày khác làm tiền phong chính là khanh đấy. Kính thay lời sắc sai này !

“Ngày rằm tháng tư, năm Quang Trung thứ tư (1791).

Cứ như ý trong lời sắc mệnh trên đây thì ra vua Quang Trung chỉ mượn hai việc đòi đất và cầu hôn ấy làm cớ để dò ý chọc giận vua Thanh. Vì nếu vua Thanh nổi giận mà cự tuyệt thì cuộc giao thiệp giữa hai nước Việt, Thanh sẽ nổi lên những trận giông tố quyết liệt, Bắc Nam sẽ nói chuyện với nhau bằng gươm lớn, súng dài : bấy giờ cuộc chiến tranh sẽ ngã ra một trong hai thế : một là vua Quang Trung tự làm binh thủ, cho Vũ quốc công Vũ Văn Dũng làm tiền phong đường đường trống giông cò

mở, kéo binh sang tận đất Bắc mà vẫn tội vua Thanh. Hai là lừa cho vua Thanh nhân lúc quá giận, không kịp suy nghĩ sâu xa, hấp tấp sai tướng xuất quân sang Nam để mua lấy cuộc thất bại đau đớn nhục nhã như trận Đống Đa ngày trước. Bây giờ bên ta lại đứng vào thế nghênh nghịch, ứng chiến. Mà chuyện đi đòi đất và cầu hôn này, Vũ Văn Dũng phải đóng một vai chính trị tối quan trọng ; vừa làm Chính sứ trong cuộc ngoại giao, vừa làm trinh thám chuyên môn về quân sự. Vì có phải chỉ chuyên một việc uồn ba tác lưởi để giao thiệp với triều Mãn Thanh thôi đâu, Dũng lại còn phải dò xét núi sông hiểm dễ thế nào, và binh lực nhà Thanh thực hư, mạnh yếu thế nào, nhất nhất phải nhận xét cho tinh tường, ghi nhớ cho rành mạch rồi đem những tài liệu quân sự ấy về dâng vua Quang Trung, để ngài tính kế bày mưu, liệu cơ thế thắng.

Nhưng kết cục việc Dũng đi ấy ra sao ?

Cứ theo như gia phả họ Vũ đã thuật ấy, thì khi vào bộ kiến vua Thanh Kiên Long, Vũ Văn Dũng có tâu xin hai việc :

Việc thứ nhất là cầu hôn, vì phối sát là việc quan trọng, Quốc vương hiện nay đã lớn tuổi, mà hôn nhân chưa định xong bởi chung trong nước thì toàn là hạng thần tử, các phiên phong láng giềng thì lại không được quốc vương ưa thích, nên muốn vua Thanh xét tình cho.

Việc thứ hai là xin đất đóng đô, vì lấy cớ rằng Quốc vương ở một nước hẻo lánh, thủy bộ không tiện mà vượng khí trong nội địa thì hết mất rồi !

Hai việc ấy tâu lên, vua Thanh châu phê giao cho đình nghị.

Nhưng trong khi đình thần nhà Thanh chưa kịp bàn xét thì liền hôm sau, bọn Vũ Văn Dũng nhận được bộ kiến ở Ý Lương các, lại dâng tấu

chương thứ hai xin vua Thanh ban cho hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây làm đất đóng đô và gả một vị công chúa để gày cho nước biên thùy cái phong hóa của Trung Quốc.

Hai việc ấy tuy được chuẩn y cả. Nhưng vua Thanh chỉ ưng cho một tỉnh Quảng Tây để làm đất đóng đô thôi.

Việc đòi đất tới đến đây. Còn việc định gả công chúa thì đã tiến được bước dài hơn :

Sau ngày tiếp Nam sứ ở Ý Lương các, vua Thanh liền sai bộ lễ sửa soạn nghi lễ việc cưới gả, định ngày cho công chúa sang Nam đẹp duyên với Quốc vương.

Nhưng sau đó mấy hôm, Vũ Văn Dũng nhận ngay được tin chẳng lành : Vua Quang Trung mất ! Vì vậy, mọi việc đều lờ lảng lờ dờ, bọn Dũng đành ôm mối hận mà trở về.

Rồi từ đó, việc khôi phục Lương Quảng chỉ là câu chuyện lịch sử mà cơ đồ nhà Tây Sơn cũng dần dần tan theo giấc xuân mộng của nàng công chúa Mãn Thanh.

NGÀY LỊCH SỬ : HẸM CHÍN THÁNG BẢY

Dưới triều Quang Trung, võ công, văn trị, nội tu, ngoại nhượng, tổ chức ra sao, tiến triển ra sao, ta đã biết rõ là thế.

Một vị anh hùng dân tộc mới 40 tuổi, cái tuổi đương hăng hái, đây hứa hẹn, phải gánh vác một công cuộc phi thường, bỗng bị cái chết phá tan cả sự nghiệp.

Một buổi chiều đầu thu, vua Quang Trung đang ngồi bỗng hoa mắt, sầm tối mắt mũi, mê man, bất tỉnh.

Chúng bệnh ấy, sử chữ cho chép là “huyễn vận” . Mà “huyễn vận” là một thứ bệnh do thiếu máu, bộ tiểu não bị tổn thương và thần kinh suy yếu mà sinh ra. Khi phát thì trong một lúc mắt hoa, tri giác mờ tối, không biết gì cả.

Rồi bệnh ngày một tăng thêm, khó có hi vọng qua khỏi !

Khi bệnh xoay nặng, ngài triệu Trần Quang Diệu trấn thủ Nghệ An về triều bàn việc thiên đô về Nghệ An, nhưng việc đó chưa quyết định xong thì bệnh tình nhà vua đã nguy kịch.

Ngài có trời trăng cùng bọn Diệu : Sau khi ta mất, việc tang chế chỉ so sài thôi, nội trong một tháng phải liệu mà chôn cất. Các người phải nên hiệp sức giúp Thái tử (Quang Toản) sớm thiên đô về Nghệ An để không chế thiên hạ...”⁽¹⁾

¹ Để chứng thực việc vua Quang Trung (1788-1792) bị bệnh rồi mất như thế nào, tôi xin trích dịch đoạn sử chữ nho sau đây :

“ . . . Một hôm buổi chiều, đang ngồi (Huệ) chợt huyễn vận, (nghĩa là hoa mắt, sa sầm choáng váng cả người)... (lược) ... rồi sầm tối gục xuống, hồi lâu mới tỉnh, bèn đem chuyện đã mê ấy nói với trung thư Trần Văn Kỳ. Từ đó bệnh trở nặng. Bèn vời Nghệ An trấn thủ Nguyễn (hoặc Trần) Quang Diệu về, bàn thiên đô ra Nghệ An. Việc thương nghị ấy chưa ngã ngũ thì bấy giờ vua Thế Tổ (miếu hiệu vua Gia Long) ta đã khắc phục Gia Định, thu lại được Bình Thuận, Bình Khang và Diên Khánh : thanh thế lừng lẫy vang động. Huệ nghe biết tin đó, dăm lo buồn, bệnh thể ngày một nguy kịch. Vời bọn Diệu mà trời trăng rằng: “Ta mở mang bờ cõi, khai thác đất đai, có cả cõi Nam này. Nay đau ốm, tất không dậy được. Thái tử (Nguyễn Quang Toản) tư chất hơi cao, nhưng tuổi còn nhỏ (bấy giờ mới 10 tuổi). Ngoài có quân Gia Định Nguyễn Ánh là quốc thù ; mà Thái Đức (Nguyễn Nhạc) thì tuổi già, ham dật lạc, cầu yên tạm bợ, không toan tính cái lo về sau. Khi ta chết rồi nội trong một tháng phải chôn cất, việc tang làm lạo thảo thôi. Lũ người nên hợp sức mà giúp Thái tử sớm thiên về Vĩnh Đô (tức Vinh ngày nay) để không chế thiên hạ. Bằng chẳng, quân Gia

Qua ngày hai mươi chín tháng bảy, năm nhâm tí ⁽¹⁾ niên hiệu Quang Trung thứ năm (1792), vua Quang Trung mất ⁽²⁾, miếu hiệu là Thái tổ Vũ Hoàng Đế.

Định kéo đến thì các người không có chỗ chôn đâu!” (Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 30, tờ 42).

- ¹ Trong lời “phát đoan” ở cuốn *Nouvelles lettres édifiantes* nói vua Quang Trung mất vào tháng chín 1792 (P.IXIV).
- ² Đây theo lời Dẫn bằng chữ Hán của Dụ am Phan Huy Ích dưới đầu đề bài thơ “thu, phụng quốc tang, cảm thuật
“Ngày 29 tháng bảy nhà vua cưỡi rồng lên châu trời”. (Vi tháng bảy năm nhâm tí (1792) ấy thiếu nên nguyên văn lời Dẫn đó chép là “thất nguyệt hồi”)
Còn trong Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 30, tờ 42b thì chép là “ngày 29 tháng chín, năm nhâm tí”.

TỔNG KẾT

Trước khi hạ lời, tổng kết cả sách này, tôi hãy xin dịch một bài bằng chữ Hán của một nhà báo ngoại quốc viết về “Nguyễn Huệ” để thay lời tóm tắt ôn lại suốt cả trang sử Quang Trung (1788-1792), và để giới thiệu với các bạn đọc thân mến : “người lịch sử” ấy của chúng ta đối với con mắt người ngoài ra thế nào. (Chỗ nào tôi có phụ chú hoặc có tỏ ý dị đồng với nguyên tác thì chú ở dưới. Còn lời chú của bài báo ấy thì tôi nói là “lời chú của nguyên tác” cho khỏi lẫn).

NGUYỄN HUỆ - Hồi thế kỷ XVIII, Việt Nam nảy một vị anh chúa, cuu hùng, cương nghị, chiến công rực rỡ, oai danh ngang với Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh và Lê Lợi cùng được người đời xưng tụng: Ấy là vua Quang Trung ⁽¹⁾ Nguyễn Huệ triều Tây Sơn.

Nguyễn Huệ, người làng Tây Sơn thuộc Qui Nhơn, năm 1774, cùng anh em ⁽²⁾ là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ dấy lên binh, một keo mà đánh đổ được họ Cựu Nguyễn. (Sử chép hậu duệ Nguyễn Hoàng là Cựu Nguyễn, họ Nguyễn Huệ là Tân Nguyễn) ⁽³⁾.

Năm 1788, Nguyễn Huệ vào thành Thăng Long, Nhất thống được cả bờ cõi ba phần.

“Năm 1789 ⁽⁴⁾, vua Kiên Long sai Tôn Sĩ Nghị đem hơn hai vạn quân Lưỡng Quảng và Vân, Qui sang Nam ; thế mạnh như sóng xô lướt !

¹ Nguyên văn chữ Hán chép chữ “trung”, là trung tín.

² Đây dịch theo nguyên văn, đáng lẽ phải nói là “hai anh” mới đúng.

³ Lời Chua của nguyên tác.

⁴ Việc vua Kiên Long sai Tôn Sĩ Nghị sang Nam là từ năm 1788 kia.

Huệ chỉ có mười vạn quân, nhưng hăng hái xuất phát ra quân kỳ, chế thắng địch ⁽¹⁾, chia quân làm ba đạo, nhân đêm trừ tịch ⁽²⁾ đổ ra đánh úp, huyết chiến hàng sáu ngày đêm ; quân Tôn Sĩ Nghị bị thua một cách thảm hại, chết và bị thương đến quá nửa.

Trận ấy, Nguyễn Huệ cưỡi voi lớn, thân ra tân tiền tuyến ⁽³⁾, đốc chiến, không nghỉ một chút nào. Chiếc hồng bào Huệ mặc bị khói thuốc súng hun ám thành ra sắc đen.

“Nguyễn Huệ suốt đời khéo biết dùng binh, liệu việc như thần. Bộ hạ văn võ như Trần Văn Kỷ, Ngô Thì Nhậm, Vũ Văn Nhậm, Nguyễn ⁽⁴⁾ Văn Sở và Trần Quang Diệu, v.v... đều là những tay khai quốc tuấn kiệt cả.

“Huệ từng hai lần vào Thăng Long ⁽⁵⁾, bốn lần hạ Gia Định, Hùng tài chú Nguyễn Phúc Ánh cũng không sao chống nổi.

“Tiếc rằng Trời không cho sống lâu, ở ngôi mới được 5 năm đã bị bệnh mất, khiến người bằng điều bù ngùi mất một anh hùng rồi vận mệnh triều Tây Sơn cũng do đó mà sụp đổ !”.

(Thần Long – “Việt Nam danh nhân dật sự, IV” – *Nam Phong Chợ Lớn*, tập 2, số 6 trang 23).



“Trịnh bại, Lê vong” Chiêu Thống (1787-1789) cầu viện Mãn Thanh, hồng nhờ thế lực người ngoài để giữ lấy chiếc ngai vàng đã nghiêng đổ.

¹ Nguyên văn là xuất kỳ chế “thắng”.

² Đêm ba mươi tết.

³ Tức là mặt trận.

⁴ Chính họ Ngô, chứ không phải Nguyễn.

⁵ Nếu kể cả lần ta giết Vũ Văn Nhậm thì là ba lần.

Cuối năm mậu thân (1788), binh mã bốn tỉnh Vân Nam, Qui Châu, Quảng Đông, Quảng Tây cả thảy hai mươi vạn quân, do tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị cầm đầu, lót miệng bằng tiếng cứu Lê, định thừa cơ chiếm lấy nước Nam quận huyện. Nhưng triều Thanh đã đau đớn thất bại : một phần tuy bởi vua Quang Trung một trang anh hùng dân tộc, có thiên tài về quân sự, đủ tư cách đóng vai lãnh đạo trong cuộc kháng chiến Mãn Thanh ; một phần cùng bởi quần chúng đương thời sẵn lòng hi sinh, cố chống ngoại xâm để giữ lấy độc lập. Cho nên cái ngón “rước voi cõng rắn” của Lê Chiêu Thống bị gãy một cách nhục nhã, mà tấn trò xâm lược bằng hình thức xảo trá của Thanh Kiên Long, không còn đủ điều kiện thuận tiện, cả chủ quan lẫn khách quan, để tái diễn ở đất nước này nữa.

Vua Quang Trung trong 21 năm (1771-1792)⁽¹⁾ đấu tranh, mấy trận đánh bại quân Tiêm, năm ngày quét sạch giặc Thanh. Chỉ riêng công nghiệp hai lần chống ngoại xâm ấy cũng đủ viết được những chữ rất hùng vĩ, rất sáng ngời trên trang lịch sử Việt Nam cận đại.



Mỗi độ xuân về, hễ nhắc đến mùng 5 tháng giêng, ngày giỗ trận, người ta càng lên án Chiêu Thống Lê Duy Kỳ về tội phản quyền lợi nhân dân, đã phản tiến hóa lịch sử thì lại càng nhớ đến võ công oanh liệt của Quang Trung :

. . . Áo vải, cờ đào,

Giúp dân, dựng nước xiết bao công trình.

(Ngọc Hân công chúa)

¹ Kể từ năm tân mao (1771) Nguyễn Huệ quật khởi ở Tây Sơn thượng đạo đến năm nhâm tí (1792) thăng hà vừa được 21 năm.

Và cũng không quên nhắc lại mấy câu trong bài “Tụng Tây hồ phú” của Nguyễn Huy Lương đã nêu được cái đặc điểm lịch sử về đời Quang Trung :

Tới mậu thân ⁽¹⁾ từ rở về tường vân ⁽²⁾,
Sông núi khắp nhờ công đàng định ⁽³⁾
Qua canh tuất ⁽⁴⁾ lại tưới con thi vũ ⁽⁵⁾
Cỏ cây đều gọi đức chiêm nhu ⁽⁶⁾

HẾT

Xin Trở Lại: <http://minhtrietviet.net/muc-luc/>

-
- ¹ Tức năm 1788, vua Quang Trung lên ngôi, rồi kéo quân ra Bắc diệt giặc Thanh vào đầu tháng giêng năm kỷ Dậu (1789).
 - ² Đám mây lành, tượng trưng cho cảnh thái bình.
 - ³ Đẹp yên giặc giả loạn lạc.
 - ⁴ Tức năm 1790.
 - ⁵ Mưa thuận đúng thời, làm thỏa mãn lòng người mong muốn, như đương cơn đại hạn mà gặp cơn mưa rào.
 - ⁶ Gọi nhuần thấm tía – Chú thêm : Bộ Quang Trung, lần sơ báo, có phụ lục truyện Nguyễn Quang Toàn là con vua Quang Trung, ở cuối sách; đến lần tái bản này thì san bỏ phần phụ lục ấy.